

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày: 25/6/2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản
và tranh chấp hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nghĩa
Bà Trần Thị Tuyết Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và tranh chấp Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2024/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Tuyết M (B)**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

+ Chị **Nguyễn Thị Huỳnh N**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

+ Anh **Trương Minh H**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Qua quen biết tại địa phương nên bà M có cho vợ chồng anh Trương Minh H và chị Nguyễn Thị Huỳnh N vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 26/12/2020 (al) nhằm ngày 07/02/2021 (dl) bà M có cho chị N và anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 đến 02 tuần, lãi suất vay là 2%/tháng, chị N có lập biên nhận vay ngày 26/12/2020 (al) cho bà M, biên nhận này do chị N viết, anh H không có ký tên vào biên nhận này.

+ Ngày 14/01/2021 (al) nhằm ngày 25/02/2021 (dl) bà M có cho chị N và anh H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 đến 02 tuần, lãi suất vay là 2%/tháng, chị N có lập biên nhận vay ngày 14/01/2021 (al) cho bà M, biên nhận này do chị N viết, anh H không có ký tên vào biên nhận này.

+ Ngày 15/01/2021 (al) nhằm ngày 26/02/2021 (dl) bà M có cho chị N và anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 đến 02 tuần, lãi suất vay là 2%/tháng, chị N có lập biên nhận vay ngày 15/01/2021 (al) cho bà M, biên nhận này do chị N viết, anh H không có ký tên vào biên nhận này.

+ Ngày 19/01/2021 (al) nhằm ngày 02/3/2021 (dl) bà M có cho chị N và anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 đến 02 tuần, lãi suất vay là 2%/tháng, chị N có lập biên nhận vay ngày 19/01/2021 (al) cho bà M, biên nhận này do chị N viết, anh H không có ký tên vào biên nhận này.

+ Ngày 21/01/2021 (al) nhằm ngày 04/3/2021 (dl) bà M có cho chị N và anh H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 đến 02 tuần, lãi suất vay là 2%/tháng, chị N có lập biên nhận vay ngày 21/01/2021 (al) cho bà M, biên nhận này do chị N viết, anh H không có ký tên vào biên nhận này.

Thực tế từ lúc vay tiền đến nay chị N không có đóng lãi cho bà M nhưng vì chị N năn nỉ nên bà vẫn cho chị N tiếp tục vay tiền, lúc vay tiền mặc dù anh H không có ký tên vào biên nhận nợ nhưng anh H có biết việc chị N vay tiền của bà M vì lúc bà giao tiền có anh H chở chị N lại nhà của bà để lấy tiền. Tổng cộng chị N và anh H có vay của bà M số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích vay để phục vụ kinh tế gia đình, từ lúc vay cho đến nay chị N và anh H không có đóng lãi cho bà M như đã thỏa thuận. Đến hạn trả nợ chị N và anh H vẫn không trả nợ gốc và lãi cho bà M như đã hẹn mà còn cố tình tránh mặt bà.

Ngoài ra bà M có tham gia chơi hụi do vợ chồng chị N và anh H làm đầu thảo gồm các dây như sau:

+ Dây 1: Mở ngày 29/01/2021 (al) nhằm ngày 12/3/2021 (dl), hụi 50.000 đồng, khai mỗi ngày, do chị N và anh H không đưa danh sách nên bà M không biết là bao nhiêu phần, bà M tham gia 02 phần, bà đã góp được số tiền 5.400.000 đồng nhưng

không có lập biên nhận. Nay hụi đã mãn nhưng chị N và anh H vẫn không trả tiền hụi chết cho bà M số tiền 5.400.000 đồng.

+ Dây 2: Mở ngày 20/8/2019 (al) nhằm ngày 18/9/2019 (dl), hụi do bà M làm đầu thảo, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 23 phần, chị N tham gia 01 phần, hụi kêu, chị N hốt hụi ngày 20/3/2020 (al) nhằm ngày 12/4/2020 (dl) với số tiền là 34.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị N đóng được 09 lần số tiền là 18.000.000 đồng, sau đó ngưng không đóng nữa. Bà M phải đóng thay cho chị N số tiền là 16.000.000 đồng. Dây hụi này hiện nay đã mãn.

+ Dây 3: Mở ngày 20/8/2019 (al) nhằm ngày 18/9/2019 (dl), hụi do bà M làm đầu thảo, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 23 phần, chị N tham gia 01 phần, chị N hốt hụi ngày 20/5/2020 (al) nhằm ngày 10/7/2020 (dl) với số tiền là 35.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị N đóng được 09 lần số tiền là 18.000.000 đồng, sau đó ngưng không đóng nữa. Bà M phải đóng thay cho chị N số tiền là 16.000.000 đồng. Dây hụi này hiện nay đã mãn.

+ Dây 4: Mở ngày 01/01/2020 (al) nhằm ngày 25/01/2020 (dl), hụi do bà M làm đầu thảo, hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 23 phần, chị N tham gia 01 phần, chị N hốt hụi ngày 01/5/2020 (al) nhằm ngày 21/6/2020 (dl) với số tiền là 32.200.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị N đóng được 09 lần số tiền là 18.000.000 đồng, sau đó ngưng không đóng nữa. Bà M phải đóng thay cho chị N số tiền là 18.000.000 đồng. Dây hụi này hiện nay đã mãn.

Tổng cộng tiền hụi vợ chồng chị N và anh H còn nợ bà M là 39.400.000 đồng. Quá trình tham gia chơi hụi thì anh H có đi lấy tiền góp hụi của bà M. Bà đã nhiều lần yêu cầu hai vợ chồng trả nợ nhưng hai người vẫn cố tình trốn tránh không trả nợ.

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/3/2024 bà M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Huỳnh N và chồng là anh Trương Minh H phải trả cho bà M số tiền hụi là 39.400.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 139.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Nay bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi, bà M không yêu cầu chị N và anh H phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 39.400.000 đồng. Bà M chỉ yêu cầu chị N và anh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà M số tiền vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh H và chị N phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi

Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Áp dụng Điều 147, 244 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 463, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H phải trả cho bà M số tiền hụi là 39.400.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H phải trả cho bà M số tiền vay là 100.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H phải chịu 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H cư trú tại xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M yêu cầu chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H trả cho bà M số tiền vay là 100.000.000 đồng:

Bà M có cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà là các Biên nhận vay tiền có nội dung chị N có vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng, biên nhận có chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Huỳnh N. Từ đó xác định chị N và anh H có vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Tại thời điểm xác lập biên nhận chị N và anh H có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, việc vay tiền trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Như vậy giữa chị N, anh H và bà M có xác lập với nhau giao dịch dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như có văn bản ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, những chứng cứ do Tòa án thu thập được. Như vậy chị N và anh H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ Luật tố tụng dân sự, đây cũng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, cho thấy việc chị N và anh H có vay của bà M số tiền 100.000.000 đồng là có xảy ra trên thực tế. Chị N và anh H là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên việc bà M yêu cầu chị N và anh H chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà M là có căn cứ theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó việc bà M khởi kiện yêu cầu chị N và anh H phải trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[2.2] Về lãi suất: Bà M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ vay 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà M.

[3] Xét việc bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui, bà M không yêu cầu chị N và anh H phải trả cho bà số tiền nợ hui là 39.400.000 đồng:

Xét thấy việc bà M rút yêu cầu là dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc và đúng quy định pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 217, 218, 219, 244 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà M.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên chị N và anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H phải có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hui là 39.400.000 đồng (Ba mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N và anh Trương Minh H phải có nghĩa vụ liên đới nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka